

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	1
3.1. Công suất hoạt động và quy mô của dự án đầu tư	1
3.2. Quy trình hoạt động của dự án đầu tư.....	2
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	4
4. Trang thiết bị, điện năng, nước của dự án đầu tư.....	4
4.1. Trang thiết bị sử dụng của dự án đầu tư.....	4
4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	6
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI +CỦA MÔI TRƯỜNG.....	8
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	8
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	8
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	9
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	9
2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.....	9
2.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải	9
3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	11
3.1. Hiện trạng chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn	11
3.2. Hiện trạng chất lượng đất	12
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	13
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .	13
1.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	15
1.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):.....	19

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	22
1.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành chính thức.....	23
2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	31
2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.....	31
2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.	31
2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.....	31
2.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	36
3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	36
3.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo.....	36
3.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá.....	37
CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ...	39
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	39
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	40
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	40
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN.....	42
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	42
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật.....	42
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	42
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	43
PHỤ LỤC	44

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT:	Bê tông cốt thép
BVMT:	Bảo vệ môi trường
BYT:	Bộ Y tế
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CNCH:	Cứu nạn cứu hộ
CP:	Chính phủ
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR TT:	Chất thải rắn thông thường
CTRSH:	Chất thải rắn sinh hoạt
DV:	Dịch vụ
HTXLNT:	Hệ thống xử lý nước thải
MTV:	Một thành viên
NĐ:	Nghị định
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ:	Quyết định
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TM:	Thương mại
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT:	Tài nguyên và Môi trường
TSS:	Tổng chất rắn lơ lửng
TT:	Thông tư
UBND:	Ủy ban Nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
Bảng 1.2. Danh mục nguyên liệu, thiết bị sử dụng tại Cơ sở.....	4
Bảng 1.3. Lượng điện năng sử dụng.....	5
Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng	5
Bảng 3.1. Chất lượng nước tuyến kênh Tẻ	11
Bảng 3.2. Kết quả đo đặc chất lượng môi trường không khí tại Dự án.....	12
Bảng 4.1 Hệ số ô nhiễm đối với 01 xe ô tô, xe máy sử dụng xăng.....	16
Bảng 4.2 Tải lượng ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông.....	16
Bảng 4.3 Lưu lượng khí thải và nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.....	17
Bảng 4.4. Tác động của các chất ô nhiễm không khí	18
Bảng 4.5. Bảng thống kê CTRSH.....	21
Bảng 4.6. Bảng thống kê CTNH.....	22
Bảng 4.7. Danh sách phương tiện phục vụ cho PCCC tại Cửa hàng xăng dầu số 42 của Cơ sở	24
Bảng 4.8. Danh sách các nguồn nước phục vụ cho PCCC tại Cửa hàng xăng dầu số 42 của Cơ sở	24
Bảng 4.9. Danh sách phương tiện phục vụ cho PCCC tại của Cơ sở.....	26
Bảng 4.10. Danh sách các nguồn nước phục vụ cho PCCC tại Cơ sở	27
Bảng 4.11. Kế hoạch xây lắp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	31
Bảng 4.12. Chương trình quản lý môi trường của Dự án	33
Bảng 4.13. Mức độ tin cậy của các phương pháp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã sử dụng	37
Bảng 5.1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải	39
Bảng 5.2. Giá trị giới hạn tiếng ồn.....	40
Bảng 6.1. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư dự án.....	42

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình hoạt động của Cơ sở.....	3
Hình 1.2. Quy trình hoạt động của cửa hàng xăng dầu	4
Hình 1.3. Vị trí của Cơ sở	6
Hình 3.1. Kênh Tẻ.....	10
Hình 3.2. Hình ảnh kênh Tẻ	10
Hình 4.1. Quy trình thoát nước mưa.....	13
Hình 4.2. Quy trình thoát nước sinh hoạt tại Cơ sở.....	14
Hình 4.3. Sơ đồ hầm tự hoại 03 ngăn	15
Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom – vận chuyển – xử lý chất thải rắn sinh hoạt	21
Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thu gom – vận chuyển – xử lý CTNH.....	21

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG TÔN THẮT THUYẾT**
- Địa chỉ văn phòng: 42 Tôn Thất Thuyết, Phường 04, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện pháp luật của dự án đầu tư: ông **TĂNG QUỐC THẮNG**
- Chức danh: Giám đốc.
- Điện thoại: (028) 39404079; Email: Cangttt@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301434191, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ tư vào ngày 02/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Đăng ký kinh doanh cấp.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: **NÂNG CÔNG SUẤT HOẠT ĐỘNG CẢNG TÔN THẮT THUYẾT**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Khu đất tại số 42 – 42A – 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 04, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy xác nhận Đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Cảng Tôn Thất Thuyết” do Ủy ban Nhân dân Quận 4 cấp theo công văn số 02/GXN-UBND, ngày 23/02/2011.
- Quyết định số 302/QĐ-SGTVT, ngày 24/03/2023 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh – Sở Giao thông vận tải về việc công bố gia hạn hoạt động cảng thủy nội địa Tôn Thất Thuyết.
- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.002155.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp vào ngày 17/03/2011.
- Quy mô của cơ sở: Căn cứ theo Nghị định 40/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công thì cơ sở thuộc dự án “Cảng biển quốc tế, cảng sông; cảng, bến thủy nội địa, gồm: cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách; bến cảng biển nội địa; nhà ga đường thủy; luồng đường thủy nội địa” có vốn đầu tư là 5.000.000.000 đồng. Vì thế, Cơ sở thuộc dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục II phần A có vốn dưới 120 tỷ đồng nên Cơ sở thuộc nhóm C.
- Căn cứ theo các quy định tại Điều 25 và phụ lục V của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì dự án thuộc mục II.2 – Phụ lục V – Danh mục các dự án đầu tư nhóm III có ít nguy cơ tác động đến môi trường – không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thuộc UBND cấp Quận.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất hoạt động và quy mô của dự án đầu tư

- Công suất hoạt động của cơ sở được thể hiện ở bảng 1.1:

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của cơ sở

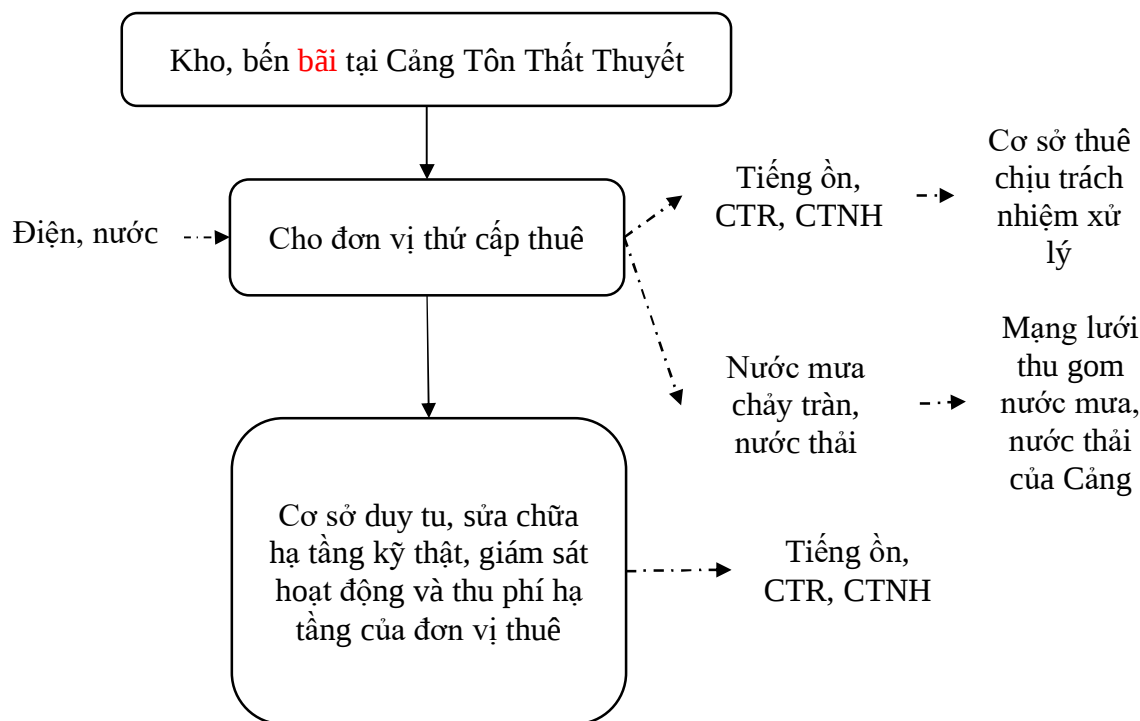
STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất		
			Theo Đề án BVMT	Thực tế	Đề nghị cấp giấy phép môi trường
1.	Dịch vụ cho thuê kho bến bãi bốc dỡ hàng hóa, các phương tiện thủy bộ vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền tây đến, từ huyện Đảo phú quốc đến TP.Hồ Chí Minh và ngược lại, bến tàu khách đi Cần giờ; đi các tỉnh miền tây. Hàng hóa thông qua Cảng bến.	tấn/năm	300.000	164.000	300.000
2.	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Lít/năm	4.000.000	4.000.000	6.000.000
3.	Cho thuê kho	m ²	Kho 42A DT 540 m ² Kho 42C DT 820m ²	Kho 42: DT 216 m ² Kho 42A DT 824m ² Kho 42C DT 820m ²	Kho 42: DT 216 m ² Kho 42A DT 824m ² Kho 42C DT 820m ²
4.	Bãi mua bán vật liệu xây dựng	m ²	1.200	800	1.200

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2022)

3.2. Quy trình hoạt động của dự án đầu tư

Cơ sở chủ yếu cho thuê kho, bến bãi, và bán lẻ xăng dầu. Vì thế, tại Cơ sở có 2 quy trình hoạt động chủ yếu được tóm tắt trong sơ đồ dưới đây:

- Quy trình hoạt động cho thuê kho, bến bãi



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình hoạt động của Cơ sở

➤ Thuyết minh quy trình

– Sau khi đầu tư hoàn chỉnh các cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, mạng lưới thoát nước mưa, mạng lưới thoát nước thải, Cơ sở sẽ thực hiện cho thuê lại các kho bãi để hoạt động kinh doanh lưu giữ hàng hóa của các đơn vị thuê. Sau khi tiếp nhận kho, bến bãi trả lại của các đơn vị thuê, Cơ sở sẽ được hiện kiểm tra và thực hiện duy tu, sửa chữa nếu có hư hỏng nặng.

– Trách nhiệm của các đơn vị thuê kho, bến bãi:

+ Đảm bảo các ghe, thuyền đậu tại cảng và các xe chở hàng hóa đậu chờ lên hàng tại Cảng không được nổ máy hoạt động, nhằm mục đích để tránh khí thải của các phương tiện phát sinh sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường không khí.

+ Đảm bảo công nhân làm việc có trách nhiệm bỏ rác đúng vị trí mà Cơ sở đã bố trí. Không vứt bừa bãi bên ngoài, bên trong kho bãi đang thuê và không vứt xuống sông, kênh.

+ Đảm bảo công nhân làm việc có trách nhiệm đi vệ sinh đúng nơi quy định, tránh phóng uế bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường nước và môi trường không khí xung quanh.

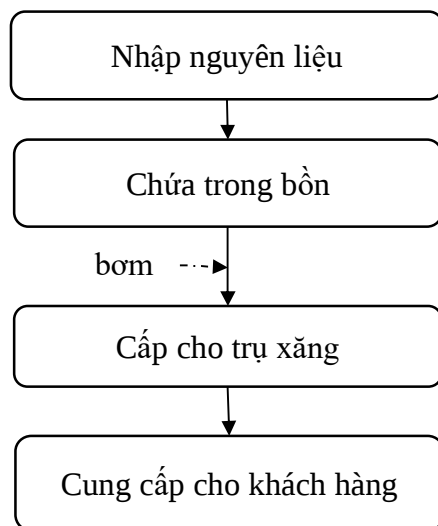
+ Trách nhiệm của Cơ sở:

+ Trong quá trình hoạt động, Cơ sở thường xuyên giám sát hoạt động của các đơn vị thuê nhằm đảm bảo các đơn vị thuê hoạt động đúng theo quy định.

+ Cơ sở sẽ bố trí các thùng rác để chứa rác sinh hoạt, bố trí các khu vực lưu chứa rác sinh hoạt tập trung, khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, khu lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Cơ sở thực hiện các phương án phòng ngừa các sự cố, PCCC tại các kho, bến bãi cho thuê.

➤ Quy trình hoạt động bán lẻ xăng dầu



Hình 1.2. Quy trình hoạt động của cửa hàng xăng dầu

Thuyết minh quy trình

Nhiên liệu sẽ được nhập về theo yêu cầu của Công ty bằng bồn xe chuyên dụng. Nhiên liệu được chứa trong các bồn lớn chống thấm và kín nhằm chống bay hơi và được âm dưới đất. Sau đó, dùng bơm bơm nhiên liệu lên các trụ xăng theo định mức của người tiêu dùng

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Cơ sở là dự án bến Cảng cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, không phải thuộc nhóm dự án sản xuất, sản phẩm của dự án là hệ thống các kho hàng cho thuê với tổng diện tích là 1.860 m², bến bãi cho thuê với tổng diện tích là 2.811m² và buôn bán xăng dầu 6.000.000 lít/năm

4. Trang thiết bị, điện năng, nước của dự án đầu tư

4.1. Trang thiết bị sử dụng của dự án đầu tư

– Cơ sở hiện đang sử dụng một số nguyên liệu, thiết bị gồm nhiều loại khác nhau để phục vụ cho quá trình hoạt động của Cơ sở:

Bảng 1.2. Danh mục nguyên liệu, thiết bị sử dụng tại Cơ sở

STT	Nguyên liệu, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Xăng A95	Lít/năm	1.572.000
2.	Phương tiện neo đậu tại bến	Cái	03
3.	Xà lan, tàu sắt	Cái	02

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2022)

4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án

4.2.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

– Hệ thống cung cấp điện cho hoạt động của đơn vị là Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Điện lực Tân Thuận.

Nhu cầu sử dụng điện trung bình ước tính khoảng 9.839 kWh/tháng tương đương 328 kWh/ngày. Lượng điện sử dụng được tính ở trên là bao gồm lượng điện của các kho, bãi chứa hàng, cây xăng và văn phòng làm việc của Cơ sở. Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của máy móc, các kho bãi trong Cơ sở.

Bảng 1.3. Lượng điện năng sử dụng

STT	Tháng	Đơn vị	Điện năng tiêu thụ
1.	Tháng 01/2023	kWh/tháng	10.791
2.	Tháng 02/2023	kWh/tháng	8.846
3.	Tháng 03/2023	kWh/tháng	9.881
Trung bình			9.839

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2023)

4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước cho hoạt động của đơn vị do Công ty Cổ phần cấp nước Nhà Bè cấp. Nước cấp cho đơn vị được dùng cho mục đích sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của nhân viên, công nhân làm việc tại kho bãi,... Nhu cầu nước sử dụng ước tính trung bình khoảng 490 m³/tháng tương đương với 16,3 m³/ngày.

Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng

STT	Tháng	Đơn vị	Lượng nước sử dụng
1.	Tháng 01/2023	m ³	552
2.	Tháng 02/2023	m ³	466
3.	Tháng 03/2023	m ³	454
Trung bình			490

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2023)

- Lượng nước sử dụng tại Cơ sở được tính ước tính như sau:
 - + Lượng nước dùng cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại văn phòng Cơ sở là (10 người): $(10 \text{ người} \times 25 \text{ l/người/ca} \times 3 \times 1,5)/1.000 = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
 - + Lượng nước dùng cho sinh hoạt của các công nhân làm việc tại Cơ sở và cây xăng là 19 người: $(19 \text{ người} \times 45 \text{ l/người/ca} \times 2,5 \times 1,5)/1.000 = 3,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
 - + Trung bình mỗi ngày có khoảng từ 50 người bao gồm người đi theo các tàu thuyền cập bến tại Cảng của Cơ sở để thực hiện việc bốc dỡ hàng hóa lên các kho chứa hàng và vận chuyển đến các khách hàng, người làm việc tại cái kho hàng cho thuê. Lượng nước phục vụ cho nhu cầu rửa tay, rửa mặt, vệ sinh cá nhân của mỗi người: $(50 \text{ người/ca} \times 25 \text{ l/người/ca} \times 3)/1.000 = 3,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
 - + Với tổng diện tích của các bến bãi và các kho hàng là 4.671 m² và theo tiêu chuẩn xây dựng 33:2006 thì lượng nước dùng cho rửa sàn là 2l/m². Theo các thông số trên ta tính được lượng nước dùng cho vệ sinh sàn: $(4.671 \text{ m}^2 \times 2 \text{ l/m}^2)/1.000 = 9,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Lượng nước dùng cho mục đích tưới cây, thay nước mới cho các cảnh quan định kỳ hằng tháng là: 1,25 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

❖ Vị trí hoạt động

– Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết tọa lạc tại số 42 đường Tôn Thất Thuyết, Phường 04, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh với các mặt tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc : giáp đường Tôn Thất Thuyết
- + Phía Nam : giáp Kênh Tẻ
- + Phía Đông : giáp Chợ Long Kiểng
- + Phía Tây : giáp nhà dân



Hình 1.3. Vị trí của Cơ sở

❖ Thông tin về cảng thủy nội địa của Cơ sở

– Vị trí của Cảng có tọa độ theo hệ tọa độ VN2000: A (604054,080; 1189281,023) và B (604094,881; 1189283,439). Trên bờ phải Kênh Tẻ.

– Loại Cảng: Cảng Tổng hợp (xếp dỡ hàng hóa và đón trả hành khách).

– Vùng đất của Cảng: Theo Hợp đồng thuê đất số 8359/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 17 tháng 11 năm 2009 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết.

– Kết cấu công trình Cảng: Gồm 04 cầu tàu:

+ Cầu tàu số 01 (Khu 42C): Dạng cầu tàu liền bờ, kết cấu bê tông cốt thép, chiều dài cầu tàu dọc kênh là 95m, là khu vực bố trí phương tiện thủy neo đậu, xếp dỡ hàng hóa.

+ Cầu tàu số 02 (Khu 42): Dạng cầu tàu chữ T, kích thước cầu tàu là 13,6 x 4,1 (m), kết cấu bê tông cốt thép dạng bản sàn trên hệ cọc bê tông cốt thép, là khu vực bố trí phương tiện thủy neo đậu, xếp dỡ hàng hóa.

+ Cầu tàu số 03 (Khu 42A): Dạng cầu tàu liền bờ, kết cấu bê tông cốt thép, chiều dài cầu tàu dọc kênh là 72m, là khu vực bố trí phương tiện thủy neo đậu, đưa – rước hành khách.

+ Cầu tàu số 04 (Khu 42, nằm giữa cầu tàu số 01 và 02): Dạng cầu tàu chữ I, kích thước cầu tầu là 3,6 x 2,5 (m), kết cấu bê tông cốt thép dạng bản sàn, là khu vực bố trí phương tiện neo đậu, xếp dỡ hàng hóa bằng thủ công.

– Các cầu tàu tại Cảng cửa Cơ sở được phép tiếp nhận:

+ Cầu tàu số 01 tiếp nhận loại phương tiện thủy có mớn nước đến 1,7m ứng với mực nước có cao độ -1,3m (hệ Hòn Dấu).

+ Cầu tàu số 02, 03 tiếp nhận loại phương tiện thủy có mớn nước đến 1,3m ứng với mực nước có cao độ -1,3m (hệ Hòn Dấu).

+ Cầu tàu số 04 được phép tiếp nhận loại phương tiện thủy có trọng tải dưới 100 tấn.

– Vùng nước của Cảng: Có chiều dài dọc kênh 219m, chiều rộng 15m từ mép cầu tàu số 01 trở ra phía kênh.

❖ Thông tin khác

– Cơ sở đã cam kết sẽ chấp hành di dời, giải tỏa và bàn giao mặt bằng khi có yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

– Cơ sở cũng đã được cấp giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Quyết định số 781/GCNDDK-SCT, ngày 21/08/2019 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh – Sở Công Thương cấp.

– Cơ sở đã ký hợp đồng đại lý xăng dầu với Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu để làm đại lý bao tiêu cho bên Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu các sản phẩm xăng, dầu Diesel tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống của Cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

– Theo quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, các-bon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược đến năm 2030 ngăn chặn đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

– Ngành nghề của cơ sở là ngành nghề ít phát thải ra độc hại, tất cả chất thải trước khi thải ra đều đã được đưa qua hệ thống xử lý và quản lý chặt chẽ, vì thế cơ sở phù hợp với khuyến khích phát triển kinh tế.

– Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của Quận 4 đã được Ủy ban nhân dân Tp.HCM phê duyệt tại Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 07/04/2017.

– Căn cứ Văn bản số 3210/UBND-ĐT ngày 25/05/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thủ tục thu hồi đất của tổ chức, cá nhân thuộc dự án “Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh Tẻ (giai đoạn 1, 2)”; dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và công viên cây xanh bờ Kênh Tẻ kết hợp giải tỏa nhà trên và ven kênh rạch”;

– Căn cứ tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4 số 862/TTr-PTNMT ngày 07/07/2017 về đề nghị ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công viên cây xanh bờ Kênh Tẻ (giai đoạn 1, 2)”; dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng mở rộng đường Tôn Thất Thuyết và công viên cây xanh bờ Kênh Tẻ kết hợp giải tỏa nhà trên và ven kênh rạch”.

– Đất của Cơ sở nằm trong quy hoạch thu hồi của các quyết định trên. Tuy nhiên, Cơ sở đã cam kết với Ủy ban nhân dân Quận 4, khi nào có thực hiện bắt đầu quy hoạch Cơ sở sẽ thực hiện di dời

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đã được Ủy ban Nhân dân Quận 4 xác nhận đăng ký Bản Cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Cảng Tôn Thất Thuyết” theo công văn số 02/GXN-UBND cấp vào ngày 23/02/2011.

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Theo Báo cáo khảo sát địa chất của khu đất tại dự án thì kết quả của mặt cắt địa chất công trình như sau:

- Lớp san lấp: bê tông và cát san lấp. Bề dày tương đối mỏng và thành phần không đồng nhất.
- Lớp số 1: bùn sét, màu xám đen, trạng thái chảy – dẻo chảy.
- Lớp số 2: Sét, màu xám vàng, xám trắng, xám hồng, trạng thái dẻo cứng.
- Lớp số 3: Cát pha nhiều chỗ lẫn sạn TA, màu xám trắng, xám hồng, xám tro.
- Lớp số 4: Sét, màu nâu hồng, màu xám vàng, trạng thái cứng.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án

Giới hạn xả nước thải của dự án: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B

Tại khu vực, theo hướng dốc địa hình tự nhiên hiện nay đi từ phía Tây Bắc về phía Đông, Đông Nam, Nam; cùng với các tiểu khu ra chung quanh thì nước mưa và nước thải chảy về phía kênh Tẻ.

Khu vực dự án nằm sát bên Kênh Tẻ nên đường và hệ thống thoát nước ở đây rất tốt, bị ảnh hưởng bởi triều cường và nước lớn. Các cống thoát nước trên đường Tôn Thất Thuyết là cống hộp (2.000 x 2.000) là hệ thống thoát nước chung có hệ thống phân tách nước bản phía cuối nguồn xả.

2.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải

2.2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên của khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

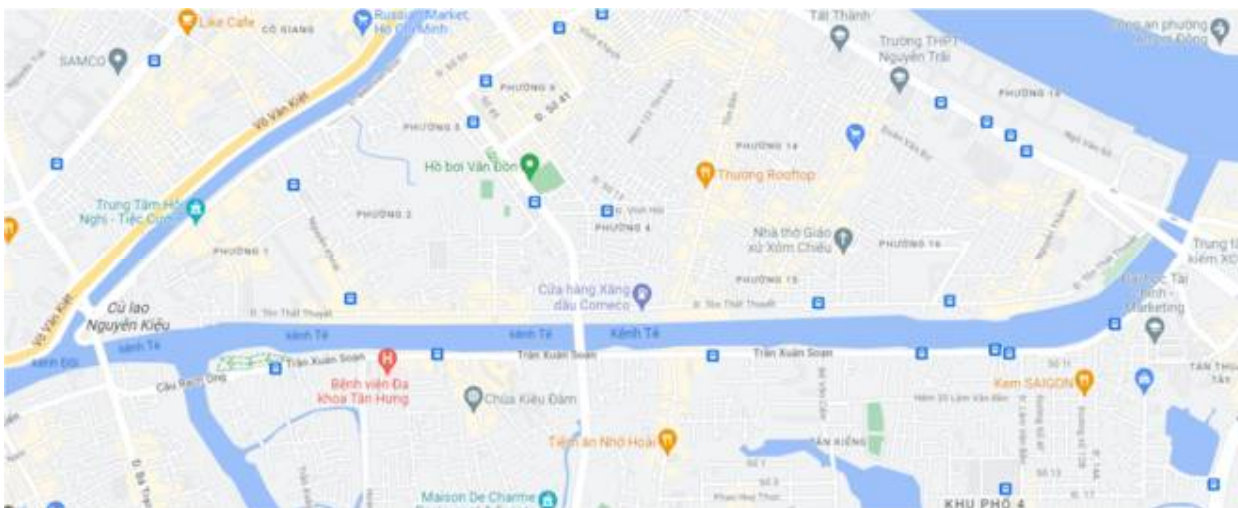
Kênh Tẻ là con kênh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kênh chảy qua các quận 4, quận 7, quận 8, và quận 5 từ đầu nguồn tại Cầu Nguyễn Văn Cừ và đổ ra Sông Sài Gòn.

– **Đặc điểm khí hậu:** Tương tự đặc điểm khí hậu của Thành phố Hồ Chí Minh có 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

– **Chế độ mưa:** Khoảng 90% lượng mưa nằm trong mùa mưa, lượng mưa trung bình trong mùa mưa là 300 mm/tháng, lượng mưa mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

– **Đặc điểm thủy văn:** Lưu lượng dòng chảy vào sông Sài Gòn của lưu vực kênh Tẻ là 1,16 m³/s. Theo chế độ thủy triều, có thể chia ra nhiều thời kỳ trong năm:

- + Thời kỳ triều cao: tháng 9, 10, 11, 12;
- + Thời kỳ triều thấp: tháng 4, 5, 6, 7, 8;
- + Thời kỳ triều trung bình: 1, 2, 3;
- + Hàng tháng có 2 thời kỳ triều cường tùy thuộc vào chu kỳ mặt trăng trong các ngày 1, 2, 3 và 14, 15, 17 âm lịch và 2 thời kỳ thấp giữa các ngày kể trên.



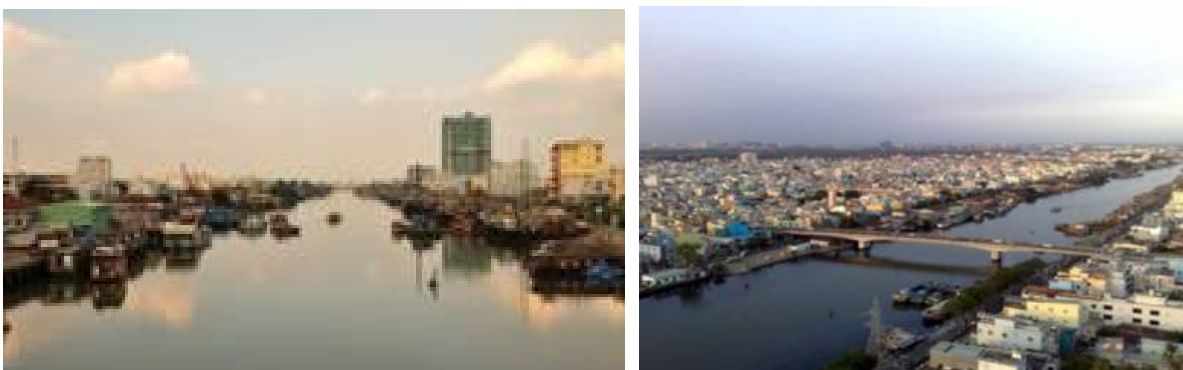
Hình 3.1. Kênh Tẻ

2.2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh là nơi tiếp nhận nước thải và nước mưa của nhiều quận (quận 4, quận 7, quận 5, quận 8). Môi trường nước kênh dễ bị ô nhiễm do mưa đầu mùa kéo theo nước thải sinh hoạt, các chất dơ bẩn, thậm chí rác đồ dòn vào đoạn kênh này do nước mưa cuốn trôi và sinh hoạt thiếu ý thức của một số người dân.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nước kênh gồm nước thải (của nhà dân, các cơ quan, cơ sở kinh doanh dịch vụ,...), rác thải trôi lềnh bềnh, bùn lắng, thủy triều,... Vào mùa khô nước thường có mùi hôi khó chịu gây ảnh hưởng đến cuộc sống người dân ven kênh.

Hiện nay chức năng sinh học của hệ thống kênh Tẻ đã được khôi phục, nước kênh trong, không còn mùi hôi, khả năng tiêu thoát nước tốt cùng với cảnh quan dọc kênh được cải thiện đã tạo nên một diện mạo mới cho cả khu vực.



Hình 3.2. Hình ảnh kênh Tẻ

Tham khảo kết quả quan trắc chất lượng nước mặt lục địa kênh Tẻ tại vị trí quan trắc Cầu Tân Thuận trong các Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì chất lượng nước kênh thể hiện tại Bảng 3.1 như sau:

Bảng 3.1. Chất lượng nước tuyến kênh Tẻ

Điểm quan trắc	pH	TSS mg/l	DO mg/l	COD mg/l	BOD ₅ mg/l	NH ₄ ⁺ mg/l	PO ₄ ³⁻ mg/l	Coliform MPN/100ml	Cl ⁻ mg/l	Fe mg/l
Cầu Tân Thuận	6,60	35	1,49	28	5	1,04	0,07	300.000	996	2,24
QCVN 08- MT:2015/ BTNMT, B1	5,5 - 9	50	≥ 4	30	15	0,9	0,3	7.500	350	1,5

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng TP.HCM)

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNM - loại B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
- Số liệu tổng hợp từ các kết quả quan trắc tại Cầu Tân Thuận, đoạn Kênh Tẻ.

2.2.3. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Dự án nằm trong ngay trục đường chính (đường Tôn Thất Thuyết) của quận 04, tại khu vực có nhiều cơ quan, tòa nhà, nhà dân, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa và các cơ sở kinh doanh – dịch vụ - thương mại cùng xả nước thải vào cống thoát nước của khu vực dẫn về kênh Tẻ. Kênh còn là kênh thoát nước thải và thoát nước mưa chính của nhiều quận (quận 4, quận 7, quận 8 và quận 5) nên lưu lượng tiếp nhận nước thải và nước mưa rất lớn

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện dự án. Chủ Dự án đã kết hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu để đo đạc, lấy mẫu định kỳ hàng đợt (u đợt. lần). Kết quả đo đạc tại các thời điểm này được coi là số liệu nền” được sử dụng làm căn cứ để đánh giá chất lượng môi trường khi dự án đi vào hoạt động.

Thông tin đơn vị lấy mẫu:

- Tên đơn vị lấy mẫu: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu.**
- Số hiệu: VIMCERTS 117
- Địa chỉ: Số 3 Đường Tân Thới Nhất 20, Khu phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Các kết quả đo đạc thể hiện dưới đây:

3.1. Hiện trạng chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn

Kết quả đo chất lượng môi trường không khí tại khu vực Cảng thể hiện ở Bảng sau:

Bảng 3.2. Kết quả đo đặc chất lượng môi trường không khí tại Dự án

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
	dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
09/06/2022	61,3	0,22	0,084	0,055	< 6,0
08/11/2022	62,1	0,20	0,083	0,065	< 6,0
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

(Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu)

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/ TNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/ TNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Kết quả phân tích trình bày trong Bảng trên cho thấy tại các đợt lấy mẫu định kỳ của Dự án, nồng độ các chất ô nhiễm có trong môi trường không khí xung quanh thấp hơn so với giới hạn tối đa cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

3.2. Hiện trạng chất lượng đất

Dự án thực hiện nâng công suất trên công trình đã có sẵn ban đầu của Dự án đã có sẵn lớp nền bê tông, nên Chủ dự án sẽ không phân tích mẫu đất.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Vì là Dự án nâng công suất hoạt động của cây xăng từ 4.000.000 lít/năm lên 6.000.000 lít/năm, Dự án không thay đổi về hiện trạng ban đầu mà chỉ thực hiện tăng tần suất nhập xăng cho cây xăng nên Chủ Dự án không thực hiện đánh giá, đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án mà chỉ thực hiện đánh giá và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành.

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

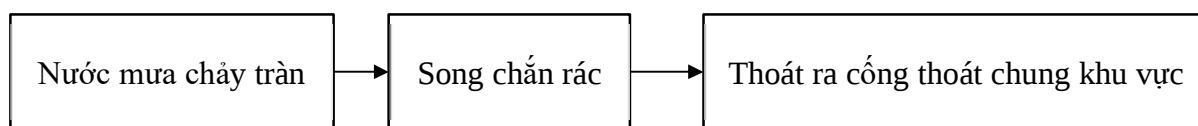
1.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

– Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở đã được xây dựng tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

– *Thu nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn sẽ chảy theo độ dốc sân, bãi của Dự án về hướng đường Tôn Thất Thuyết để chảy vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

– *Thu nước mưa trên mái nhà*: Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối loại PVC D400, D500. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái, dẫn thẳng xuống sân, bãi của Dự án sau đó sẽ chảy theo độ dốc theo hướng về đường Tôn Thất Thuyết và thoát vào công thoát nước chung của khu vực.



Hình 4.1. Quy trình thoát nước mưa

1.1.2. Thu gom, thoát nước thải

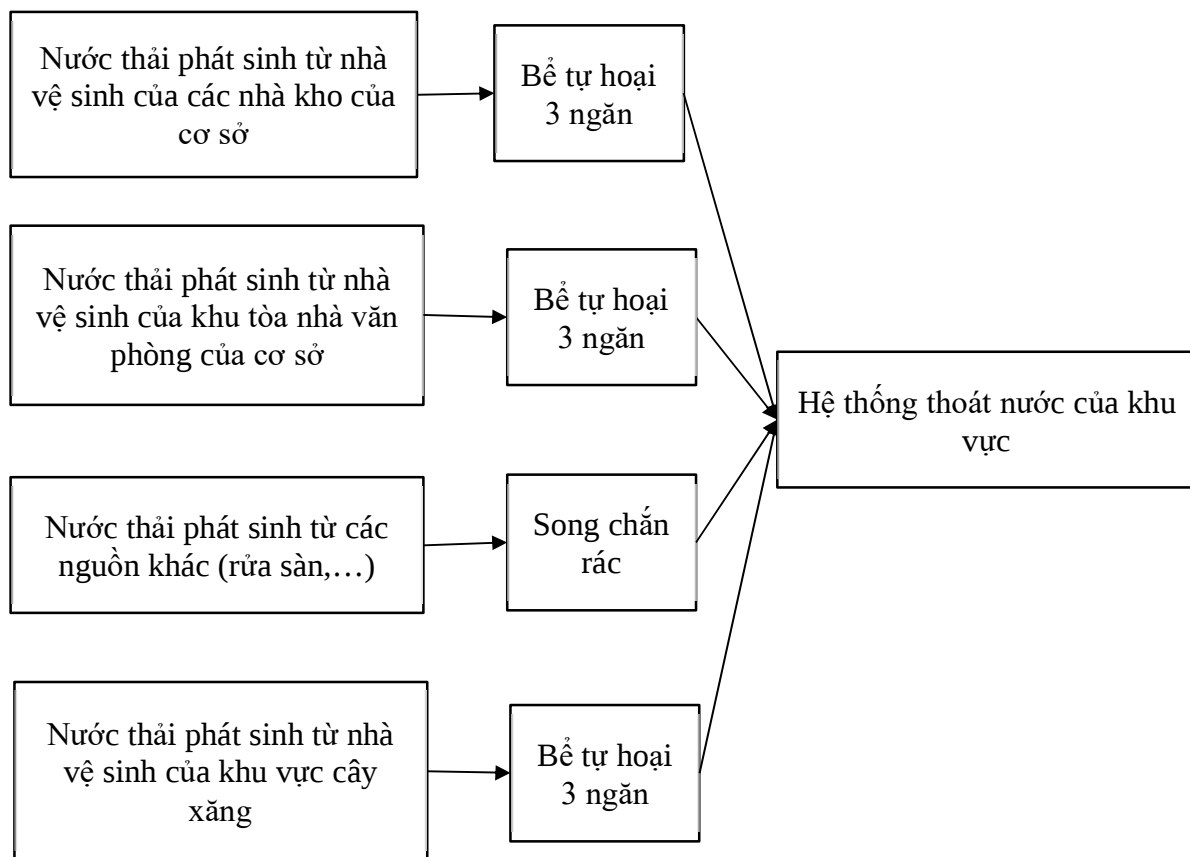
– Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom đến các bể tự hoại. Các bể tự hoại được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng gồm 3 ngăn hoạt động với chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng bằng vi sinh vật. Nước sau khi đã xử lý sẽ được dẫn về hố thu gom nước thải của khu vực

– Nước thải sinh hoạt tại Cơ sở chủ yếu phát sinh từ việc vệ sinh cá nhân của cán bộ công nhân viên, vệ sinh cá nhân của các nhân công lao động đi theo các tàu, thuyền đến bến Cảng của Cơ sở để thực hiện bốc dỡ hàng hóa, vệ sinh cá nhân của các công nhân làm việc. Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nhu cầu sử dụng nước là 15,05 m³/ngày.

– Nước thải sinh hoạt thường chứa các chất hữu cơ như BOD₅, COD, các chất rắn lơ lửng (SS), chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh.

– Đối với nước thải phân và nước tiểu sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC D114 đến bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn đến nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước của khu vực

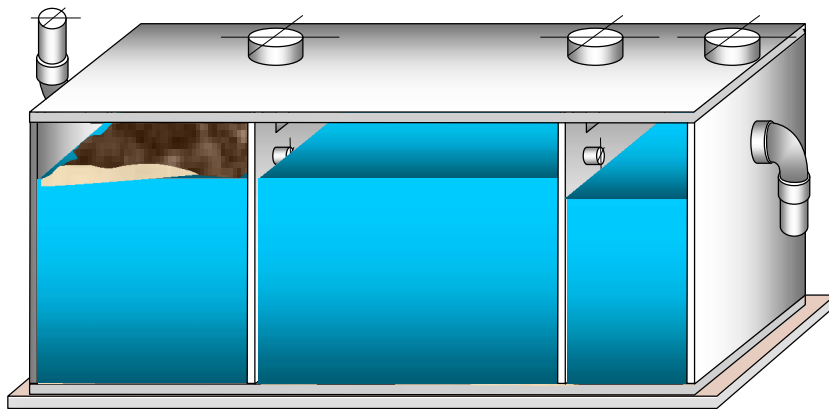
– Đối với nước thải từ các nguồn khác như: nước thải từ chậu rửa, nhà tắm, nước rửa sàn sẽ qua lưới chắn rác và sẽ được thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước của khu vực.



Hình 4.2. Quy trình thoát nước sinh hoạt tại Cơ sở

❖ Biện pháp xử lý:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom đến các bể tự hoại. Các bể tự hoại được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng gồm 3 ngăn hoạt động với chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng bằng vi sinh vật. Nước sau khi đã xử lý sẽ được dẫn hồ thu gom nước thải của khu vực
- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Khi phân hủy xong, nước thải sẽ chảy qua ngăn lắng để lắng bỏ lớp cặn và lọc sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của Dự án. Cặn lắng sẽ được giữ lại trong bể từ 3 – 6 tháng và định kỳ được hút thải bỏ.
- Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 45 – 50% cặn lơ lửng (SS) và 20 – 40% BOD. (Nguồn: Lâm Minh Triết, Nguyễn Phước Dân, Xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình. NXB ĐH Quốc gia TP.HCM, 2006)
- Ưu điểm của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và hiệu suất lắng tương đối cao. Để tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quản lý và để hạn chế hàm lượng chất lơ lửng trôi theo nước cần chia bể làm 02 ngăn theo chiều dài và ngăn này thông với ngăn kia bởi các lỗ có đường kính 100 – 150 mm.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.



Hình 4.3. Sơ đồ hầm tự hoại 03 ngăn

❖ **Điểm xả thải sau xử lý:**

- Vị trí xả nước thải: Tại cơ sở có 3 điểm xả thải lần lượt có tọa độ là:
 - + Vị trí 01: tại các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42 Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm sát văn phòng của Cơ sở, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải thẳng ra cống thoát nước của khu vực tại vị trí có tọa độ X (m): 604071.443; Y (m): 1189308.475 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).
 - + Vị trí 02: tại khu vực cây xăng, khu vực văn phòng của Cơ sở nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh ở khu vực này sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại vị trí có tọa độ X (m): 604149.4; Y (m): 1189319.005 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).
 - + Vị trí 03: tại các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42C Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm gần khu vực cây xăng, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải thẳng ra kênh tẻ tại vị trí có tọa độ X (m): 604217.554; Y (m): 1189315.898 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).
- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả thải:
 - + Hằng đợt cơ sở có thuê đơn vị chức năng để tiến hành quan trắc định kỳ và tổng hợp số liệu để làm báo cáo định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 04 đúng theo quy định hiện hành.
 - + Thu gom, và xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng như hồ sơ Cam kết bảo vệ môi trường của Cơ sở đã được phê duyệt.
 - + Chất lượng nước thải sinh hoạt của Cơ sở sau khi xử lý xả vào nguồn tiếp nhận: Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải luôn nằm trong Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.
 - + Cơ sở luôn vận hành việc xả thải hợp lý, phù hợp với điều kiện thủy văn của khu vực, luôn đảm bảo việc xả thải không gây ngập úng, ảnh hưởng đến tình trạng thoát nước chung của khu vực.

❖ **Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước tại Cơ sở**

(Sơ đồ được minh họa chi tiết tại bản vẽ thu gom, thoát nước thải được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo).

1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Đối với khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở

Các phương tiện giao thông ra vào cây xăng, kho bãi, đặc biệt vào những giờ cao điểm như giờ bắt đầu và kết thúc ca làm việc, một lượng lớn các loại phương tiện giao thông ra vào cây xăng nhằm mục đích đổ xăng sẽ sinh ra một lượng khí thải rất lớn nhưng lại phát sinh ở một số vị trí cục bộ tại các cây xăng. Điều này sẽ gây ra ô nhiễm cục bộ với nồng độ cao chất ô nhiễm trong khối thải như SO_2 , NO_x , CO, bụi... sẽ rất nguy hiểm cho người lao động trực tiếp làm việc tại cây xăng, đặc biệt là đối với những người có sức khỏe kém, thai phụ, trẻ em, người già...

Bảng 4.1 Hệ số ô nhiễm đối với 01 xe ô tô, xe máy sử dụng xăng

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/km)				
	Xe ô tô				Xe gắn máy
	Động cơ < 1400cc	Động cơ 1400 - 2000cc	Động cơ > 2000 cc	TB	Động cơ > 50 cc 4 thì
Bụi	0,05	0,05	0,05	0,05	-
SO_2	0,8 S	0,97 S	1,17 S	0,98 S	0,76 S
NO_x	2,06	2,31	3,14	2,5	0,3
CO	6,99	6,99	6,99	6,99	20
VOC	1,05	1,05	1,05	1,05	3
Pb	0,05P	0,07P	0,08P	0,06 P	-

Nguồn: Assessment of Source of Air, Water and Land Pollution, World Health Org, 1993.

Báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp.HCM” cho thấy: Lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy là 0,03 lít/km, các loại ô tô chạy xăng là 0,15 lít/km và ô tô chạy dầu là 0,3 lít/km.

Ước tính lượt nhân viên văn phòng của Cơ sở, nhân viên làm việc tại Cây xăng, nhân viên làm việc tại các kho bãi cho thuê khoảng 50 người: tổng số lượt xe sẽ khoảng (50 người) x 2 lượt/ngày = 100 lượt/ngày, trong đó khoảng 90 lượt/ngày đối với xe gắn máy và 10 lượt/ngày đối với ô tô.

Quãng đường di chuyển trong khu vực ước tính khoảng 20 m/lượt. Như vậy, quãng đường vận chuyển cho tất cả các loại xe trong khu vực Dự án khoảng 10,1 km/ngày, trong đó quãng đường xe gắn máy đi là 9,7 km/ngày và xe ô tô khoảng 0,4 km/ngày.

Giả sử tất cả các loại xe đều sử dụng nhiên liệu là xăng. Vậy lượng xăng tiêu thụ cho xe gắn máy là 0,3 lít/ngày (khoảng 0,21 kg/ngày) và xe ô tô là 0,06 lít/ngày (khoảng 0,042 kg/ngày) (với 1,0 lít xăng = 0,7 kg). Vậy tổng khối lượng xăng tiêu thụ là 0,25 kg/ngày.

Tải lượng ô nhiễm do các phương vận chuyển này có thể tính toán dựa trên hệ số ô nhiễm do quá trình đốt nhiên liệu của tổ chức y tế thế giới (WHO).

Bảng 4.2 Tải lượng ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/lít) (*)	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)
-----	--------------	----------------------------	-----------------------------

			Xe máy	Xe ô tô	Tổng
1	SO ₂	0,00625	0,002	0,0004	0,0023
2	NO _x	0,01	0,003	0,0006	0,0036
3	CO	0,0075	0,002	0,0005	0,0027
4	Bụi	0,005	0,0015	0,0003	0,0018

(*: WHO, 1993)

Với lượng không khí dư của động cơ động cơ đốt trong là 30% và nhiệt độ khí đốt thải là 200°C, thì lưu lượng khí thải sinh ra trong khi đốt 1 kg xăng là 38 m³. Như vậy, lưu lượng khí thải và nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí thải được tính trong bảng sau:

Bảng 4.3 Lưu lượng khí thải và nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí

Stt	Phương tiện và nhiên liệu sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Nồng độ (mg/m ³)			
			SO ₂	NO _x	CO	Bụi
1	Xe gắn máy và xe ô tô	9,58	234,96	375,94	281,95	187,97
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B			500	850	1.000	200

Ghi chú: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét: Kết quả tính toán trên cho thấy các thông số trên đều nằm trong giới hạn cho phép.

❖ **Biện pháp giảm thiểu:**

➤ *Ô nhiễm bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông khi ra vào Dự án:*

Đây là nguồn ô nhiễm phân tán vì vậy khả năng kiểm soát và xử lý rất khó, tuy nhiên để giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng từ nguồn ô nhiễm này chúng tôi xin đưa ra một số biện pháp như sau:

- Các hạng mục công trình phục vụ giao thông được xây dựng đúng kỹ thuật theo quy hoạch hệ thống giao thông của dự án để tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông ra vào.
- Thường xuyên tưới rửa đường.
- Bê tông hóa đường giao thông trong khuôn viên Dự án, nhằm giảm lượng bụi phát sinh khi có sự tham gia của các phương tiện giao thông.
- Khi các xe đến thực hiện đổ xăng, yêu cầu các xe tắt máy để hạn chế lượng khí thải thoát ra từ việc máy xe đang hoạt động.

1.2.2. Đối với mùi xăng dầu phát sinh từ khu vực trạm xăng của Cơ sở

– Trong quá trình nhập, bán lẻ xăng dầu sẽ phát sinh một số hợp chất dễ bay hơi vào môi trường không khí như benzen,.... Hiện nay, việc định lượng chính xác thành phần các hợp chất trong hơi xăng dầu là rất khó khăn. Hơi xăng dầu gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của

người dân sống xung quanh, cụ thể là nhiễm độc cấp tính gây nhức đầu, chóng mặt, khó chịu, nhiễm độc lâu dài có thể dẫn tới những bệnh mãn tính,... Chủ cơ sở sẽ thực hiện một số biện pháp hạn chế như sau:

- + Lắp đặt các đường ống dẫn xăng dầu bằng thép, đảm bảo kín;
- + Xuất nhập hàng đúng quy trình kỹ thuật theo quy định của ngành xăng dầu để tránh thất thoát và giảm nguy cơ gây cháy nổ;
- + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng bể chứa và ống công nghệ;
- + Lắp các van thở cho các bể chứa xăng dầu của kho chứa theo đúng quy định kỹ thuật nhằm để kiểm soát áp suất dư và áp suất chân không trong bể để đảm bảo an toàn cho bể chứa và chống tổn thất do bay hơi xăng dầu trong quá trình vận hành.

1.2.3. Từ các hoạt động khác

Ngoài các nguồn khí thải nói trên, các hoạt động khác tại Dự án cũng thải vào môi trường một lượng lớn các chất ô nhiễm không khí. Có thể liệt kê các nguồn đó như sau:

- *Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập trung chất thải*: Trong khi chờ đem đi nơi khác xử lý, quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong rác thải tại khu vực chứa rác sinh hoạt phát sinh nhiều chất khí ô nhiễm, đặc biệt là các chất khí gây mùi khó chịu như: H_2S , CH_4 ,... Ngoài ra, tại nơi tập trung rác đặc biệt là khu vực tập trung rác thải sinh hoạt rất dễ phát sinh mùi sẽ thu hút ruồi, muỗi, gián,... và các loại vi trùng gây ra các bệnh truyền nhiễm cho con người.
- *Mùi phát sinh từ nhà vệ sinh*: Nhà vệ sinh tại Dự án với đặc trưng có rất nhiều loại vi trùng cứng như E.coli bám ở các vòi nước, tay nắm cửa, các thùng rác không được dọn dẹp thường xuyên dẫn đến các bệnh truyền nhiễm từ các bể toilet. Ngoài ra, vấn đề ô nhiễm không khí trong nhà vệ sinh còn do nhiều yếu tố gây ra, nhưng chủ yếu là mùi từ NH_3 .
- *Mùi từ hệ thống thoát nước thải*: Thành phần chất ô nhiễm không khí từ hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là NH_3 , H_2S , metan,... các khí này có khả năng gây mùi nên sẽ gây ảnh hưởng đến khu vực trong phạm vi dự án. Trong không khí người ta thường bắt gặp các vi khuẩn, nấm mốc,... và chúng có thể là những mầm bệnh hay nguyên nhân gây các dị ứng qua đường hô hấp. Sự hình thành các sol khí sinh học ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh Dự án.

❖ Tác động của khí thải đối với sức khỏe của con người

Bảng 4.4. Tác động của các chất ô nhiễm không khí

STT	Thông số	Tác động
1.	Bụi	Gây tác nghẽn các cuống phổi làm giảm quá trình phân phối khí. Gây cản trở quá trình hô hấp. Gây tổn thương da, giác mạc mắt, bệnh ở đường tiêu hóa. Gây hư hại các mô phổi dẫn đến ung thư
2.	SO_x , NO_x	Gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp, phân tán vào máu. SO_2 có thể nhiễm độc qua da, làm giảm dự trữ kiềm trong máu Tạo mưa acid và quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu bê tông và các công trình nhà cửa. Ảnh hưởng xấu đến khí hậu, hệ sinh thái và tầng ozon.

3.	CO	Giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức, tế bào.
4.	CO ₂	Gây rối loạn hô hấp phổi. Gây hiệu ứng nhà kính. Tác hại đến hệ sinh thái
5.	H ₂ S	Là chất rất độc với các loài thủy sinh. Kết hợp với hơi nước trong khí quyển chuyển thành dạng mưa acid. Gây nhiễm độc mãn tính.

❖ Biện pháp giảm thiểu

➤ Giảm thiểu mùi từ khu vực tập trung chất thải rắn

- Để tránh tình trạng chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần tròn môi trường, toàn bộ lượng CTR sinh hoạt sẽ được thu gom 1 lần/ngày.
- Tại các thùng rác, sử dụng các bao nylon lót, sử dụng các loại thùng có nắp đậy, để giảm thiểu mùi phát sinh, đồng thời giữ gìn vệ sinh trong quá trình thu gom rác.
- Thực hiện việc lấy rác trong các thời điểm ít người, nhằm đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động của các đối tượng khác.
- Các thùng rác trong khuôn viên dự án phải được vệ sinh và phun khử mùi với tần suất 2 lần/tuần.

➤ Giảm thiểu hạn chế phát sinh mùi từ nhà vệ sinh: ngoài việc vệ sinh sạch sẽ theo định kỳ thì Chủ Dự án chú trọng việc bố trí hệ thống hút gió thải như sau:

- Mỗi khu vực vệ sinh của Dự án đều được thiết kế hệ thống hút khí thải vệ sinh riêng.
- Hệ thống hút gió thải cho khu vệ sinh các tầng luôn được vận hành trong thời gian hoạt động của khu vực này, nhằm đảm bảo lượng không khí trao đổi.

➤ Giảm thiểu mùi từ hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý được thiết kế kín và bố trí nổi ở tầng hầm nên mùi phát sinh từ hệ thống xử lý ảnh hưởng đến môi trường xung quanh là không đáng kể.
- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ được tổ chức thu gom và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Hệ thống thu gom nước thải trong khu vực Dự án sẽ được bố trí là hệ thống cống kín do vậy hạn chế mùi hôi phát sinh. Ngoài ra, hệ thống thoát nước mưa được bố trí song chắn rác để tránh tình trạng rác đi vào hệ thống gây ứ đọng, tạo mùi hôi, gây mất vệ mỹ quan.

1.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

Chất thải rắn phát sinh tại Dự án trong quá trình hoạt động sẽ được quản lý theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt thông thường

❖ **Thành phần:** chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án bao gồm:

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, thức ăn dư thừa,... chiếm khoảng 50 – 60%;
- Các hợp chất có nguồn gốc giắt từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống, giấy từ hoạt động văn phòng,... chiếm khoảng 1 – 1,2%;
- Các hợp chất hữu cơ không có khả năng phân hủy sinh học như nhựa, plastic, PVC,... chiếm khoảng 5 – 8%;
- Các chất vô cơ như thủy tinh, kim loại,... chiếm khoảng 1 – 1,5%;
- Giẻ lau chiếm khoảng 0,5 – 1%;

❖ **Khối lượng:** Số lượng nhân viên thường xuyên tại Dự án khoảng 29 người/ngày, tiêu chuẩn phát thải rác là 0,5 kg/người/ngày, nên khối lượng rác thải phát sinh khoảng 29 người/ngày x 0,5 kg rác/người/ngày = 14,5 kg rác/ngày tương đương 0,0145 tấn rác/ngày và 0,4 tấn rác/tháng.

❖ **Tác động:** rác thải sinh hoạt với thành phần và khối lượng như trên có đặc tính chung là phân hủy nhanh, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tại địa phương, gây mùi hôi thối khó chịu. Ngoài ra việc tập trung một khối lượng lớn rác thải sinh hoạt sẽ gây tác động đến môi trường không khí xung quanh, tác động đến môi trường đất và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Vì vậy, rác thải phải được thu gom, phân loại tại nguồn, xử lý ngay trong ngày theo quy định. Đặc biệt túi nilong, vật dụng bằng nhựa (Polymer) ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong thành phần rác thải sinh hoạt nhưng khó phân hủy, nếu đốt sẽ sinh khí độc hại nên phải được phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp.

❖ **Công trình, biện pháp quản lý, lưu giữ**

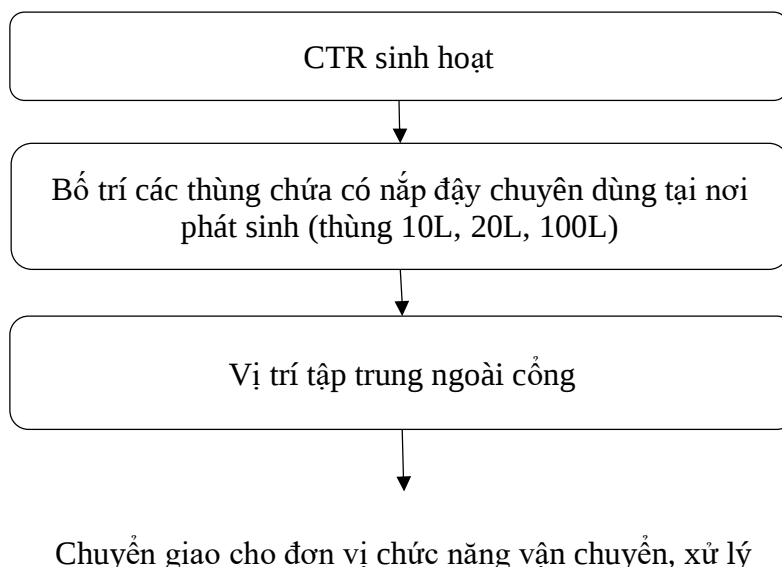
CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Các loại chất thải phát sinh tại cơ sở sẽ được phân loại ngay tại cơ sở, lưu trữ trong những khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý phù hợp với từng loại chất thải

Chủ Dự án sẽ hướng dẫn cho các nhân viên làm việc tại Dự án phân loại rác thải tại nguồn thành 03 nhóm:

- Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (bao gồm: nhóm thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, các loại rau củ quả hư hỏng, cỏ lá cây các loại, bã trà, cà phê, mía, thơm,...) gọi tắt là chất thải hữu cơ.
- Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế bao gồm: giấy các loại, đồ nhựa cao su các loại, đồ thủy tinh, đồ kim loại,... gọi tắt là phế liệu.
- Nhóm còn lại: chất thải rắn còn lại bao gồm: vỏ sò ốc các loại, vải sợi, bã than rác, rác thải nhà vệ sinh,... gọi tắt là chất thải còn lại

Phương án lưu trữ:

- Tại Cơ sở có bố trí các thùng chứa có nắp đậy chuyên dụng, được bố trí ngay tại các nơi phát sinh và được thu gom, tập trung lại và định kì trong sẽ có đơn vị đến thu gom 1 lần/ngày, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom CTRSH với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4 để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở.



Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom – vận chuyển – xử lý chất thải rắn sinh hoạt

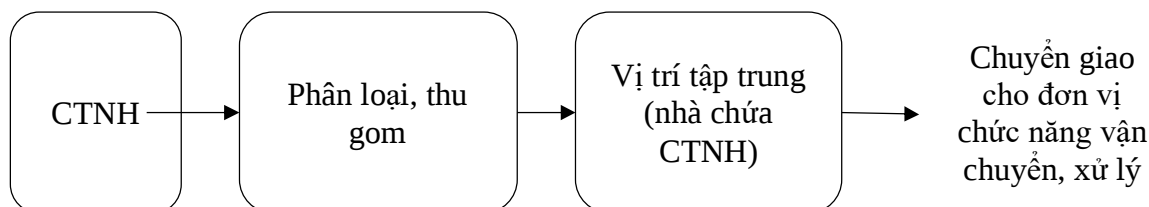
Bảng 4.5. Bảng thống kê CTRSH

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/tháng)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ (như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa...)	49,51	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 04	
2	Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống,..	37,13		
3	Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh	24,75		
4	Kim loại như vỏ hộp	12,38		
Tổng khối lượng		123,77		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2022)

1.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ xử lý chất thải nguy hại

- Biện pháp kiểm soát ô nhiễm CTNH hiện hữu tại Cơ sở cụ thể như sau:



Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thu gom – vận chuyển – xử lý CTNH

- Tại cơ sở, CTNH phát sinh chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau bao tay dính hóa chất, can chai hộp nhựa dính hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải... Từng loại CTNH sẽ được lưu trữ tại các thùng chứa được đặt trong các thùng chứa CTNH có dung tích 120 Lít được dán nhãn

tên, mã của từng loại CTNH và khu vực lưu chứa CTNH có dán nhãn tên của từng loại CTNH. Khối lượng chất thải nguy hại mà cơ sở phát sinh trong quá trình hoạt động năm 2022 được liệt kê ở bảng dưới đây:

Bảng 4.6. Bảng thống kê CTNH

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (năm 2022)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
01	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0	Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên	
02	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực thải)	08 02 04	4		
03	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	0		
04	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10		
05	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	0		
06	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	0		
07	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	8		
08	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0		
Tổng số lượng			22		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2022)

- Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ nguồn chất thải nguy hại, đúng trách nhiệm quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Quản lý tốt chất thải phát sinh tại Cơ sở, tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt.
- Lập báo cáo định kỳ theo đúng mẫu của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét.
- + Tất cả các loại CTNH đều được lưu chứa đúng nơi quy định

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

- Các máy móc thiết bị phát ra tiếng ồn lớn được Cơ sở lắp đặt thêm các bộ phận giúp giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn.

- Sử dụng máy móc hiện đại;
- Tránh tình trạng các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc để làm giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn;
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết khi bị mài mòn;
- Thiết kế miếng đệm lót cho máy chống ồn và chống rung;
- Công nhân lao động trực tiếp tại các khu vực có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/lần.

Cơ sở định kỳ 6 tháng/lần cũng thực hiện đánh giá tiếng ồn trong môi trường lao động làm việc của cán bộ công nhân viên và môi trường xung quanh Cơ sở. Qua các đợt, thì độ ồn luôn nằm trong quy định của pháp luật. *(Kết quả đo đạc, được thể hiện trong Chương V).*

1.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành chính thức

Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5.1. Phòng cháy chữa cháy

Cơ sở đã thực hiện lập phương án và kế hoạch PCCC cho Cửa hàng Xăng dầu số 42 của Cơ sở và cho Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết

❖ Cửa hàng xăng dầu số 42

➤ Phòng cháy

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra, cơ sở đã thành lập đội PCCC và lắp đặt các hệ thống PCCC với các thiết bị đồng bộ gồm bơm chữa cháy, bể nước dự trữ chữa cháy.

- Tổ chức lực lượng chữa cháy:
 - + Đội trưởng đội PCCC: ông Lê Xuân Hiểu – Chức vụ: Quản lý
 - + Đội viên PCCC: 05 người.
 - + Các đội viên đội PCCC của Cơ sở đều đã được tập huấn và cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ PCCC&CNCH.
- Lực lượng thường trực chữa cháy:

- + Trong giờ hành chính có 05 người thường xuyên có mặt.
- + Ngoài giờ hành chính có 02 người.
- Phương tiện chữa cháy tại Cửa hàng xăng dầu số 42:

Bảng 4.7. Danh sách phương tiện phục vụ cho PCCC tại Cửa hàng xăng dầu số 42 của Cơ sở

STT	Chủng loại	Số lượng	Vị trí bố trí
1.	Bình chữa cháy xách tay MFZ8	08	Xung quanh cơ sở là những nơi dễ thấy, dễ lấy
2.	Bình chữa cháy xe đẩy MFZ35	01	Gần trụ bơm xăng số 01
3.	Máy bơm chữa cháy diesel	01	Gần văn phòng làm việc
4.	Vòi A	02	Đặt chung với máy bơm
5.	Lăng phun bột LPB 600	01	Đặt chung với máy bơm
6.	Foam chữa cháy	250L	Gần văn phòng làm việc
7.	Bao tải dùng chữa cháy	04	Gần các trụ bơm
8.	Quả cầu chữa cháy tự động MFZTB6	03	Phía trên các trụ bơm
9.	Cát	2 thùng 1 khối	Xung quanh các trụ bơm
10.	Xẻng	04	Xung quanh các trụ bơm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2021)

- Danh sách nguồn nước phục vụ cho chữa cháy

Bảng 4.8. Danh sách các nguồn nước phục vụ cho PCCC tại Cửa hàng xăng dầu số 42 của Cơ sở

STT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Những điểm cần lưu ý
I	Bên trong			
1	Bồn nước	06 m ³	Bên hông văn phòng làm việc	Máy bơm chữa cháy lấy được nước
II	Bên ngoài			
1	Trụ nước	14 l/s	42C Tôn Thất Thuyết cách	Xe, máy bơm chữa

			khoảng 20m	cháy lấy nước được
2	Trụ nước	14 l/s	183B7 cách khoảng 50m	Xe, máy bơm chữa cháy lấy nước được

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2021)

➤ *Phương án xử lý một số tình huống có thể xảy ra*

- Giả định tình huống xảy ra tại khu vực 02 trụ bơm xăng của Cơ sở.
- Nguyên nhân cháy: Do khách hàng bất cẩn trong việc hút thuốc lá gây cháy.
- Chất cháy: Xăng và xe máy các loại
- Khả năng lan truyền của ngọn lửa: Do cháy xảy ra vào thời điểm ban đêm, lực lượng tại chỗ lúng túng không thể xử lý kịp thời, đồng thời do lượng chất cháy là xăng dầu nên đám cháy nhanh chóng lan rộng ra các khu vực xung quanh,... Giả định diện tích đám cháy từ khi phát sinh đến thời điểm lực lượng chữa cháy tại chỗ triển khai chữa cháy là 10m² nên có nhiều khói, khí độc, nhiệt độ trong đám cháy tăng cao, công tác chữa cháy và cứu hộ của lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn do khói đã bao trùm toàn bộ khu vực trạm bơm và có khả năng lan sang xung quanh các khu vực do bức xạ nhiệt. Tại thời điểm xảy ra có khoảng 20 người trong cơ sở, ước tính số lượng chất cháy này là 02 trụ bơm xăng và khoảng 10 xe gắn máy các loại.
- Khi xảy ra cháy, Đội trưởng lực lượng PCCC tại chỗ tập trung đội viên PCCC, triển khai phân công và thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - + Nhanh chóng hô hoán báo động “CHÁY, CHÁY, CHÁY” cho những người trong cơ sở và mọi người xung quanh biết thông qua hệ thống loa nội bộ hoặc các tín hiệu khác nhằm gây sự chú ý để thoát nạn ra nơi an toàn và kêu gọi sự hỗ trợ. Lập tức ngắt điện và báo cáo ban lãnh đạo cơ sở biết vị trí, tình hình diễn biến đám cháy. Đồng thời gọi điện thoại Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp qua số **114**; Công an Phường 4, Quận 4; Cấp cứu qua số **115**; không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực cháy; nắm tính hình, diễn biến của đám cháy cung cấp cho cơ quan điều tra nguyên nhân vụ cháy; bảo vệ hiện trường cháy.
 - + Hướng dẫn, trấn an mọi người đang có mặt trong cơ sở bình tĩnh, không chen lấn, xô đẩy, cúi thấp để không bị nhiễm khói thoát ra ngoài đường Tôn Thất Thuyết đến khu vực tập kết an toàn (phía trước UBND phường 4) và điểm danh, người trong khu vực cháy thì phải báo ngay cho chỉ huy chữa cháy cơ sở để tiếp tục tổ chức tìm kiếm nạn nhân, lưu ý tìm kiếm trong các khu vực khuất do người bị nạn mất bình tĩnh ẩn nấp.
 - + Sử dụng bình chữa cháy xách tay, xe đẩy các loại được bố trí tại các khu vực và đồng thời triển khai 01 lăng phun bột phun vào đám cháy nhằm dập tắt đám cháy và ngăn chặn không cháy lan.
 - + Di chuyển các loại chất cháy nguy hiểm và các loại tài sản quan trọng ra khỏi khu vực cháy và tạo khoảng cách chống cháy lan, cháy lớn sang khu vực liền kề, cử người bảo vệ tài sản.
 - + Bảo vệ an ninh trật tự xung quanh cơ sở và hướng dẫn cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận khu vực cháy nhanh chóng.
 - Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy tình huống trên: (Sơ đồ được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo).

– Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có mặt để chữa cháy: Khi lực lượng chuyên nghiệp đến nơi, chỉ huy chữa cháy tại chỗ báo cáo tình hình, chất cháy, vị trí cháy, quy mô, diễn biến của đám cháy, số lượng người mắc kẹt (nếu có), đường giao thông, nguồn nước, chuyển giao quyền chỉ huy cho lực lượng chuyên nghiệp và chỉ huy lực lượng chữa cháy cơ sở theo lệnh của chỉ huy chữa cháy.

– Khi đám cháy đã được dập tắt, Đội trưởng PCCC cơ sở có trách nhiệm phân công lực lượng bảo vệ hiện trường, tham gia cùng các cơ quan có chức năng khám nghiệm hiện trường, khắc phục hậu quả sau cháy.

❖ **Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết**

➤ **Phòng cháy**

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra, cơ sở đã thành lập đội PCCC và lắp đặt các hệ thống PCCC với các thiết bị đồng bộ gồm bơm chữa cháy, bể nước dự trữ chữa cháy.

– Tổ chức lực lượng chữa cháy:

+ Đội trưởng đội PCCC: ông Trần Văn Liên – Chức vụ: Trưởng bến.

+ Đội viên PCCC: 10 người.

+ Các đội viên đội PCCC của Cơ sở đều đã được tập huấn và cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ PCCC&CNCH.

– Lực lượng thường trực chữa cháy:

+ Trong giờ hành chính có 10 người thường xuyên có mặt.

+ Ngoài giờ hành chính có 02 người.

– Phương tiện chữa cháy tại Cơ sở:

Bảng 4.9. Danh sách phương tiện phục vụ cho PCCC tại của Cơ sở

STT	Chủng loại	Số lượng	Vị trí bố trí
1.	Bình chữa cháy xách tay MFZ8	20	Xung quanh cơ sở là những nơi dễ thấy, dễ lấy
2.	Bình chữa cháy xe đẩy MFZ35	01	Cửa hàng xăng dầu số 42
3.	Máy bơm chữa cháy diesel	01	Gần văn phòng làm việc cửa hàng xăng dầu số 42
4.	Vòi A	02	Đặt chung với máy bơm
5.	Lăng phun bọt LPB 600	01	Đặt chung với máy bơm
6.	Foam chữa cháy	250L	Gần văn phòng làm việc cửa hàng xăng dầu số 42
7.	Bao tải dùng chữa cháy	04	Gần các trụ bơm cửa hàng xăng dầu số 42

8.	Quả cầu chữa cháy tự động MFZTB6	03	Phía trên các trụ bơm của cửa hàng xăng dầu số 42
9.	Cát	2 thùng 1 khối	Xung quanh các trụ bơm cửa hàng xăng dầu số 42
10.	Xăng	04	Xung quanh các trụ bơm cửa hàng xăng dầu số 42

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2021)

- Danh sách nguồn nước phục vụ cho chữa cháy

Bảng 4.10. Danh sách các nguồn nước phục vụ cho PCCC tại Cơ sở

STT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Những điểm cần lưu ý
I	Bên trong			
1	Bồn nước	06 m ³	Bên hông văn phòng làm việc cửa hàng xăng dầu số 42	Máy bơm chữa cháy lấy được nước
II	Bên ngoài			
1	Trụ nước	14 l/s	42C Tôn Thất Thuyết (phía trước cơ sở)	Xe, máy bơm chữa cháy lấy nước được
2	Trụ nước	14 l/s	183B7 Tôn Thất Thuyết cách khoảng 15m	Xe, máy bơm chữa cháy lấy nước được
3	Trụ nước	Trụ nước	183C Tôn Thất Thuyết cách khoảng 15m	Xe, máy bơm chữa cháy lấy nước được
4	Sông Kênh Tẻ	Vô tận	Chạy dọc theo chiều dài phía sau cơ sở	Xe, máy bơm chữa cháy lấy nước được (phụ thuộc vào thủy triều)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, 2021)

- *Phương án xử lý tình huống phức tạp nhất có thể xảy ra tại Cơ sở*
 - Giả định tình huống xảy ra tại khu vực cửa hàng xăng dầu số 42 của Cơ sở.
 - Nguyên nhân cháy: Do quá trình bơm tiếp nhiên liệu vào bể, xăng bị rò rỉ gặp nguồn nhiệt gây cháy.
 - Chất cháy: Xăng và xe bồn chở xăng dầu,...
 - Khả năng lan truyền của ngọn lửa: Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra đám cháy được phát hiện chậm và lực lượng tại chỗ lúng túng không thể xử lý kịp thời, đồng thời do lượng chất cháy nhiều nên đám cháy nhanh chóng lan rộng ra các khu vực xung quanh,... Giả định diện

tích đám cháy từ khi phát sinh đến thời điểm lực lượng chữa cháy tại chỗ triển khai chữa cháy là 30m² nên có nhiều khói, khí độc, nhiệt độ trong đám cháy tăng cao, công tác chữa cháy và cứu hộ của lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn do khói đã bao trùm toàn bộ khu vực cửa hàng xăng dầu số 42 và các khu vực xung quanh; có khả năng lan sang xung quanh các khu vực do bức xạ nhiệt. Tại thời điểm xảy ra có khoảng 70 người trong cơ sở, ước tính số lượng chất cháy này là 500 kg lít xăng.

– Khi xảy ra cháy, Đội trưởng lực lượng PCCC tại chỗ tập trung đội viên PCCC, triển khai phân công và thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhanh chóng hô hoán báo động “CHÁY, CHÁY, CHÁY” cho những người trong cơ sở và mọi người xung quanh biết thông qua hệ thống loa nội bộ hoặc các tín hiệu khác nhằm gây sự chú ý để thoát nạn ra nơi an toàn và kêu gọi sự hỗ trợ. Lập tức ngắt điện và báo cáo ban lãnh đạo cơ sở biết vị trí, tình hình diễn biến đám cháy. Đồng thời gọi điện thoại Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp qua số **114**; Công an Phường 4, Quận 4; Cấp cứu qua số **115**; không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực cháy; nắm tính hình, diễn biến của đám cháy cung cấp cho cơ quan điều tra nguyên nhân vụ cháy; bảo vệ hiện trường cháy.

+ Hướng dẫn, trấn an mọi người đang có mặt trong cơ sở bình tĩnh, không chen lấn, xô đẩy, cúi thấp để không bị nhiễm khói thoát ra ngoài đường Tôn Thất Thuyết đến khu vực tập kết an toàn (phía trước UBND phường 4) và điểm danh, người trong khu vực cháy thì phải báo ngay cho chỉ huy chữa cháy cơ sở để tiếp tục tổ chức tìm kiếm nạn nhân, lưu ý tìm kiếm trong các khu vực khuất do người bị nạn mất bình tĩnh ẩn nấp.

+ Sử dụng bình chữa cháy xách tay, xe đẩy các loại được bố trí tại các khu vực và đồng thời triển khai 01 lăng phun bọt phun vào đám cháy nhằm dập tắt đám cháy và ngăn chặn không cháy lan.

+ Di chuyển các loại chất cháy nguy hiểm và các loại tài sản quan trọng ra khỏi khu vực cháy và tạo khoảng cách chống cháy lan, cháy lớn sang khu vực liền kề, cử người bảo vệ tài sản.

+ Bảo vệ an ninh trật tự xung quanh cơ sở và hướng dẫn cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận khu vực cháy nhanh chóng.

– Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy tình huống trên: *(Sơ đồ được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo).*

– Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có mặt để chữa cháy: Khi lực lượng chuyên nghiệp đến nơi, chỉ huy chữa cháy tại chỗ báo cáo tình hình, chất cháy, vị trí cháy, quy mô, diễn biến của đám cháy, số lượng người mắc kẹt (nếu có), đường giao thông, nguồn nước, chuyển giao quyền chỉ huy cho lực lượng chuyên nghiệp và chỉ huy lực lượng chữa cháy cơ sở theo lệnh của chỉ huy chữa cháy.

– Khi đám cháy đã được dập tắt, Đội trưởng PCCC cơ sở có trách nhiệm phân công lực lượng bảo vệ hiện trường, tham gia cùng các cơ quan có chức năng khám nghiệm hiện trường, khắc phục hậu quả sau cháy.

➤ *Phương án xử lý tính huống xảy ra cơ bản tại Cơ sở*

– Giả định tình huống xảy ra tại khu vực văn phòng tổng công ty cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết của Cơ sở.

– Nguyên nhân cháy: Do chập điện máy tính để bàn gây cháy.

– Chất cháy: Bàn ghế, gỗ, nhựa, thiết bị tiêu thụ điện, hồ sơ và giấy tờ các loại

– Khả năng lan truyền của ngọn lửa: Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra đám cháy được phát hiện chậm và lực lượng tại chỗ lúng túng không thể xử lý kịp thời, đồng thời do lượng chất cháy nhiều nên đám cháy nhanh chóng lan rộng ra các khu vực xung quanh,... Giả định diện tích đám cháy từ khi phát sinh đến thời điểm lực lượng chữa cháy tại chỗ triển khai chữa cháy là 25m² nên có nhiều khói, khí độc, nhiệt độ trong đám cháy tăng cao, công tác chữa cháy và cứu hộ của lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn do khói đã bao trùm toàn bộ khu vực văn phòng công ty cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết và các khu vực xung quanh; có khả năng lan sang xung quanh các khu vực do bức xạ nhiệt. Tại thời điểm xảy ra có khoảng 50 người trong cơ sở, ước tính số lượng chất cháy này là 1 tấn.

– Khi xảy ra cháy, Đội trưởng lực lượng PCCC tại chỗ tập trung đội viên PCCC, triển khai phân công và thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhanh chóng hô hoán báo động “CHÁY, CHÁY, CHÁY” cho những người trong cơ sở và mọi người xung quanh biết thông qua hệ thống loa nội bộ hoặc các tín hiệu khác nhằm gây sự chú ý để thoát nạn ra nơi an toàn và kêu gọi sự hỗ trợ. Lập tức ngắt điện và báo cáo ban lãnh đạo cơ sở biết vị trí, tình hình diễn biến đám cháy. Đồng thời gọi điện thoại Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp qua số **114**; Công an Phường 4, Quận 4; Cấp cứu qua số **115**; không cho những người không có nhiệm vụ vào khu vực cháy; nắm tính hình, diễn biến của đám cháy cung cấp cho cơ quan điều tra nguyên nhân vụ cháy; bảo vệ hiện trường cháy.

+ Hướng dẫn, trấn an mọi người đang có mặt trong cơ sở bình tĩnh, không chen lấn, xô đẩy, cúi thấp để không bị nhiễm khói thoát ra ngoài đường Tôn Thất Thuyết đến khu vực tập kết an toàn (phía trước UBND phường 4) và điểm danh, người trong khu vực cháy thì phải báo ngay cho chỉ huy chữa cháy cơ sở để tiếp tục tổ chức tìm kiếm nạn nhân, lưu ý tìm kiếm trong các khu vực khuất do người bị nạn mất bình tĩnh ẩn nấp.

+ Sử dụng bình chữa cháy xách tay, xe đẩy các loại được bố trí tại các khu vực phun vào đám cháy nhằm dập tắt đám cháy và ngăn chặn không cháy lan.

+ Di chuyển các loại chất cháy nguy hiểm và các loại tài sản quan trọng ra khỏi khu vực cháy và tạo khoảng cách chống cháy lan, cháy lớn sang khu vực liền kề, cử người bảo vệ tài sản.

+ Bảo vệ an ninh trật tự xung quanh cơ sở và hướng dẫn cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận khu vực cháy nhanh chóng.

– Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy tình huống trên: *(Sơ đồ được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo).*

– Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có mặt để chữa cháy: Khi lực lượng chuyên nghiệp đến nơi, chỉ huy chữa cháy tại chỗ báo cáo tình hình, chất cháy, vị trí cháy, quy mô, diễn biến của đám cháy, số lượng người mắc kẹt (nếu có), đường giao thông, nguồn nước, chuyển giao quyền chỉ huy cho lực lượng chuyên nghiệp và chỉ huy lực lượng chữa cháy cơ sở theo lệnh của chỉ huy chữa cháy.

– Khi đám cháy đã được dập tắt, Đội trưởng PCCC cơ sở có trách nhiệm phân công lực lượng bảo vệ hiện trường, tham gia cùng các cơ quan có chức năng khám nghiệm hiện trường, khắc phục hậu quả sau cháy.

1.5.2. Vệ sinh và an toàn lao động

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động như sau:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như quần áo bảo hộ, giày, khẩu trang,...
- Huấn luyện cho công nhân về vệ sinh an toàn lao động và hướng dẫn bảo hộ lao động trước khi nhận công tác.
- Tổ chức chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Không chế bụi, nhiệt độ, vi khí hậu đạt tiêu chuẩn để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.
- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh an toàn lao động.

1.5.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ bể tự hoại

- *Nguyên nhân:* Tắc nghẽn bồn cầu; Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào; Tắc đường ống dẫn khí; Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.
- *Tác động:* Phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây ứ đọng gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu; Bùn bể tự hoại đầy gây ứ đọng và khó phân hủy dẫn đến tràn bùn qua ngăn lọc và ra hố ga thoát nước sau xử lý.
- *Các biện pháp áp dụng tại Cơ sở để ứng phó với sự cố:*
 - + Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
 - + Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu

1.5.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khu lưu chứa chất thải nguy hại

- *Nguyên nhân:* CTNH nếu không được lưu trữ theo quy định sẽ phát sinh mùi hôi phát tán ra môi trường không khí xung quanh; bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo dòng nước; kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ; nhà chứa CTNH được đặt tại vị trí có khả năng xảy ra sự cố.
- *Tác động:* gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản.
- *Các biện pháp áp dụng tại Cơ sở để ứng phó với sự cố:*

CTNH trước tiên sẽ được thu gom, đóng gói và dán nhãn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển xử lý. CTNH được lưu giữ tại Cơ sở tại nhà chứa chất thải trong một thời gian ngắn trước khi được công ty có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Trong thời gian tồn trữ tại Cơ sở, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn. Cụ thể là:

 - + *Thu gom:* Quá trình thu gom chất thải tại nguồn được thực hiện bởi các công nhân làm việc dưới xưởng bảo trì, bảo dưỡng. Thu gom và chuyển tới nhà lưu trữ CTNH ngay khi chất thải phát sinh. Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp. Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ

+ **Dán nhãn:** Trên các thùng chứa, bao chứa CTNH được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra sự cố đáng tiếc do thiếu hiểu biết của công nhân hay những người tiếp xúc.

+ **Công tác lưu giữ CTNH:** Vị trí khu vực lưu giữ thuận lợi cho việc xe ra vào vận chuyển chất thải đi xử lý, các thùng chứa CTNH thẳng đứng, thùng có nắp đậy. Nhân viên phụ trách phải được đào tạo về bảng dữ liệu an toàn của tất cả các chất được lưu giữ và vận chuyển, nắm được các hướng dẫn và công tác an toàn vệ sinh cũng như các hướng dẫn và những biện pháp ứng cứu khi có sự cố. Bố trí chất thải trong kho phải tuân thủ các quy định an toàn về lưu trữ như có khoảng trống giữa tường với các thùng lưu giữ chất thải gần tường nhất và chừa lối đi lại bên trong để kiểm tra, chữa cháy. Chất thải sắp xếp sao cho không cản trở xe ra vào thu gom và các thiết bị ứng cứu sự cố khác, chiều cao khối lưu trữ không vượt quá 3m. Không để rác thông thường trong khu vực lưu trữ CTNH.

– **Vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH:** Công tác vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH thải bỏ được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo định kỳ vận chuyển xử lý đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

- Bể tự hoại: 13 m³.
- Kho chứa chất thải sinh hoạt: 3,0 m².
- Kho chứa chất thải nguy hại: 4,0 m².

2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

Bảng 4.11. Kế hoạch xây lắp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Stt	Các hoạt động	Công trình xử lý môi trường	Kinh phí xây dựng/lắp đặt	Cơ quan thực hiện	Tiến độ hoàn thành
1	Kiểm soát nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt	- Xây dựng hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt. - Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ V = 13 m ³	--	Chủ dự án	Đã hoàn thành
2	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa rác thải.	5 triệu đồng	Chủ dự án	Đã hoàn thành
3	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại	- Thùng chứa rác thải			

2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Tổ chức nhân sự cho quản lý môi trường: Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận 04 thực hiện tốt chương trình quản lý và bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, cụ thể:

– Bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường để trực tiếp phụ trách các vấn đề môi trường cho Dự án.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về mặt môi trường đối với dự án.
- Việc xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại của Dự án sẽ được thực hiện như đã cam kết trong báo cáo. Dự án bố trí cán bộ quản lý về chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng và đủ năng lực xử lý.

Công ty đề ra chương trình quản lý môi trường được trình bày trong bảng như sau:

Bảng 4.12. Chương trình quản lý môi trường của Dự án

Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tổ chức giám sát
Giai đoạn thi công xây dựng (như đã đề cập đến ở trên, Dự án chỉ thực hiện việc nâng công suất bán xăng dầu từ 4.000.000 lít/năm thành 6.000.000 lít/năm, Dự án không thực hiện xây dựng thay đổi hiện trạng mà vẫn giữ nguyên hiện trạng ban đầu. Dự án chỉ thực hiện tăng tăng suất nhập xăng dầu).						
Giai đoạn hoạt động vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại của dự án						
Hoạt động của bến cảng, cây xăng, kho bãi cho thuê	Gây ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước do: – Khí thải, bụi; – Nước thải; – Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; – Tiếng ồn của các máy móc thiết bị, phương tiện giao thông; – Sự cố cháy nổ; – Sự cố môi trường; – Ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại khu	– Quy hoạch giao thông, bê tông hóa đường giao thông nội bộ, vệ sinh, thu dọn đất cát thường xuyên; – Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; – Mùi: + Rác được chứa trong thùng kín và thu gom hàng ngày. + Hệ thống xử lý nước thải của dự án được bố trí âm có bố trí hệ thống hút mùi và thông lên tầng mái. Thường xuyên được kiểm tra để tránh rò rỉ và thất thoát. + Khu nhà vệ sinh được trang bị hệ thống hút mùi và vệ sinh định kỳ.	Tổng kinh phí thực hiện là 200 triệu đồng.	Thực hiện trong quá trình hoạt động dự án.	Chủ Dự án	Chủ Dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất hoạt động Cảng Tôn Thất Thuyết”

	vực; – Khí thải máy phát điện dự phòng: + Chỉ hoạt động trong trường hợp bị cúp điện. + Sử dụng máy mới 100%, tình trạng hoạt động tốt. + Sử dụng dầu DO, hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%). – Nước thải: Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ($V = 13 \text{ m}^3$) – CTR sinh hoạt, CTNH: + Phân loại, thu gom tách riêng; + Bố trí khu vực lưu chứa; + Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. – Tiếng ồn, rung: + Đặt ra các nội quy về hoạt động của Dự án; + Máy phát điện kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay chi tiết hư hỏng. + Máy phát điện đặt trong phòng cách âm. + Bỏ sung cây xanh. – Nhiệt: + Dự án sẽ thiết kế kết cấu mặt bằng phù hợp đảm bảo thông thoáng theo nguyên tắc thông gió tự nhiên.				
--	---	--	--	--	--

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất hoạt động Cảng Tôn Thất Thuyết”

		+ Bố trí quạt hút khói, quạt cấp gió tươi, hệ thống điều hòa không khí. + Bỏ sung cây xanh. – Phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố theo quy định.				
--	--	---	--	--	--	--

2.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường, Chủ dự án sẽ tuyển dụng 1 nhân viên có trình độ trung cấp trở lên có chuyên môn về môi trường để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện các hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường cho Dự án;
- Kiểm soát việc phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh tại Dự án theo đúng quy định;
- Chỉ đạo và phối hợp thực hiện các biện pháp PCCC, sự cố môi trường liên quan khác;
- Thực hiện giám sát các công trình bảo vệ môi trường, cây xanh. Phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát môi trường định kỳ;
- Báo cáo kịp thời các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án để có các biện pháp xử lý kịp thời;
- Lập và đệ trình báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 năm/lần lên cơ quan có chức năng.

3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

3.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Giấy phép môi trường cho Dự án được lập theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong báo cáo này, các kỹ thuật, công nghệ áp dụng, đánh giá môi trường được thể hiện như sau:

- Khi thực hiện dự án từ giai đoạn thiết kế đã tiến hành khảo sát, thiết kế theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và Quốc tế, đã đề ra các phương án thiết kế tối ưu, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tối đa khối lượng chất thải thải ra môi trường; giảm thiểu thiệt hại tài sản của người dân. Số liệu khảo sát thống kê về đất đai và các công trình bị ảnh hưởng đảm bảo độ tin cậy cao.
- Tài liệu về chất lượng môi trường không khí, nước và đất: Từ vấn tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu không khí theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và tham khảo kết quả phân tích các mẫu nước mặt từ các nguồn có độ tin cậy cao. Các số liệu được thực hiện ở các vị trí khác nhau, có tính đặc trưng cho công trình. Các số liệu này đã được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường nền và dự báo sự biến đổi chất lượng môi trường khi có công trình.
- Tài liệu về môi trường sinh thái, khí tượng, thủy văn, địa chất, địa hình, đất đai đã được các chuyên gia chuyên ngành thực hiện tại khu vực Dự án, kết hợp với nhiều nguồn dữ liệu đã có để tổng hợp, phân tích và đánh giá.
- Các số liệu, kết quả tính toán, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành của công trình được so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.
- Các tác động được đánh giá trong giai đoạn vận hành được đánh giá theo lần lượt các nguyên nhân gây tác động, nguyên nhân hình thành, tính chất ảnh hưởng, khả năng phát thải, ước tính định lượng,...
- So sánh với hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành về môi trường không khí, nước, đất,...
- Tuy nhiên, do các đánh giá dự trên hồ sơ đề án thành lập bệnh viện nên nhiều nội dung vẫn chưa được đầy đủ, chi tiết như: bố trí các hạng mục Dự án. Do vậy, nhiều nội dung

được đánh giá, dự báo dựa trên kinh nghiệm tham gia các nội dung về môi trường trong các bước của Dự án và các ý kiến, dự kiến của kỹ sư thiết kế đóng góp trong quá trình cộng tác nên mức độ đầy đủ, chi tiết còn chưa thực sự cao.

3.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của báo cáo được đánh giá dựa trên các dữ liệu, thông tin, số liệu,... cung cấp và tính toán. Khả năng, mức độ tin cậy của đánh giá thể hiện:

- Tính hiện thực và phổ dụng: các ý kiến thu thập thực tế phỏng vấn, điều tra người dân tại khu vực dự án;
- Tính chính xác, đặc trưng, đồng bộ của số liệu: các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin về khu vực Dự án;
- Tính trung thực và chính xác: Phương pháp lấy mẫu tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
- Tính tin cậy: So sánh theo các thông số môi trường trong bộ tiêu chuẩn về môi trường quya định như: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 28:2015/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT);
- Tính hợp lệ: Tuân thủ theo các quy định chung về GPMT cho dự án theo ND 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Trong báo cáo chúng tôi đã sử dụng các phương pháp đánh giá có độ tin cậy cao và được sử dụng phổ biến hiện nay.

+ **Về phương pháp sử dụng:** trong quá trình thực hiện báo cáo, đơn vị tư vấn đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá tác động. Đó là những phương pháp đã được sử dụng phổ biến trên thế giới và Việt Nam trong thực hiện đánh giá tác động các dự án đầu tư, do đó mức độ tin cậy cao.

Bảng 4.13. Mức độ tin cậy của các phương pháp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã sử dụng

STT	Phương pháp thực hiện	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	+++	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh và địa phương.
2	Phương pháp điều tra, khảo sát và lấy mẫu hiện trường	+++	Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại. Dựa vào phương pháp lấy mẫu theo tiêu chuẩn.
3	Phương pháp tổng hợp, so sánh	++	Tổng hợp các tác động tới môi trường Dự án, đề trên cơ sở đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
4	Phương pháp mô hình hóa	+++	Được tính toán bằng mô hình hóa toán học và có cơ sở đánh giá theo tiêu chuẩn môi trường quy định

Chú thích: +++: *Mức độ tin cậy cao;*
 ++: *Mức độ tin cậy trung bình;*
 + : *Mức độ tin cậy thấp.*

– **Về các thông tin, số liệu trong báo cáo:** Để thực hiện việc Cấp giấy phép môi trường cho Dự án, đơn vị tư vấn đã lập kế hoạch, chương trình và các nội dung chính cần thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2022/QH14 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022. Trong quá trình thực hiện, đã tiến hành quá trình nghiên cứu, khảo sát, điều tra, đo đạc, phân tích và thu nhập số liệu cần thiết,...Đồng thời, các số liệu trong báo được dẫn từ các nguồn đã phê duyệt nên có độ tin cậy cao.

Qua những phân tích và nhận diện cho thấy, những đánh giá nêu ở phần trên cso độ tính xác cao. Đây là cơ sở đã xuất hiện để bảo vệ các biện pháp giảm thiểu tác động ở chu kỳ tiếp theo một cách đánh tin cậy.

CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các kho bãi cho thuê số 42A Tôn Thất Thuyết.
 - + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các kho bãi cho thuê số 42C Tôn Thất Thuyết.
 - + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, các kho bãi cho thuê và cây xăng số 42 Tôn Thất Thuyết.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả thải lớn nhất là 18 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải:
 - + Dòng thải 01: tại nhà vệ sinh của các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42 Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm sát văn phòng của Cơ sở, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.
 - + Dòng thải 02: tại khu vực cây xăng, văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết và các kho bãi cho thuê nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh ở khu vực này sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
 - + Dòng thải 03: tại các nhà vệ sinh của các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42C Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm gần khu vực cây xăng, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1, được thể hiện cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 5.1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1
1	pH	--	5 - 9
2	TSS	mg/l	100
3	BOD ₅	mg/l	50
4	COD	mg/l	--
5	N-NO ₃ ⁻	mg/l	50
6	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	10
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

- Vị trí xả nước thải:
 - + Vị trí 01: tại các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42 Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm sát văn phòng của Cơ sở, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Vị trí 02: tại khu vực cây xăng, văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết và các kho bãi cho thuê, nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh ở khu vực này sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Vị trí 03: tại các nhà xưởng nằm tại địa chỉ 42C Tôn Thất Thuyết, cụ thể là nằm gần khu vực cây xăng, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°) là: X (m): 604071.443; Y (m): 1189308.475

X (m): 604149.4; Y (m): 1189319.005

X (m): 604217.554; Y (m): 1189315.898

–

+ Vị trí 01: có tọa độ X (m): 604071.443; Y (m): 1189308.475

+ Vị trí 02: có tọa độ X (m): 604149.4; Y (m): 1189319.005

+ Vị trí 03: có tọa độ X (m): 604217.554; Y (m): 1189315.898

– Phương thức xả nước thải: tự chảy

– Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ/ngày.đêm)

– Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không phát sinh khí thải. Vì vậy, Dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

– Nguồn phát sinh:

+ Tiếng ồn: Hoạt động của Cơ sở, tiếng ồn phát sinh từ các loại máy móc thiết bị khi vận hành, từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển khi ra vào Cơ sở.

+ Độ rung: Độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn như xe tải và hoạt động của các thiết bị phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, nguồn này gây tác động không lớn.

– Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 5.2. Giá trị giới hạn tiếng ồn

STT	Vị trí	QCVB 26:2010/BTNMT		Ghi chú
		Từ 6h – 21h (dBA)	Từ 21h – 6h (dBA)	
1	Khu vực hoạt động của Dự án.	70	55	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

– Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 5.3. Giá trị giới hạn độ rung

STT	Vị trí	QCVB 27:2010/BTNMT		Ghi chú
		Từ 6h – 21h (dBA)	Từ 21h – 6h (dBA)	
1	Khu vực hoạt động của Dự án	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Vì cơ sở không có các công trình xử lý chất thải (*bể tự hoại thuộc công trình xử lý không phải vận hành thử nghiệm*). Nên Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật

– Quan trắc nước thải:

Theo điểm b, khoản 3, điều 97 của ND 08/2022/ND-CP thì Cơ sở thuộc đối tượng là quan trắc nước thải định kỳ, hoạt động liên tục và không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nên chương trình quan trắc nước thải của Cơ sở sẽ là:

- + Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- + Vị trí quan trắc: Hồ ga cuối.
- + Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, Phosphate, Tổng Coliform
- + Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1;
- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại
- + Việc giám sát chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại) và chất thải nguy hại nhằm cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý môi trường tại địa phương.
- + Tổng hợp khối lượng, thành phần của các loại chất thải phát sinh.
- + Tình hình thu gom và xử lý chất thải (bao gồm rác sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại).
- + Chứng từ thu gom của các loại chất thải rắn.
- + Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6.1. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Tổng vốn (VND)
1	Chi phí cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường hằng năm	
	- Quan trắc môi trường định kỳ	15.000.000
	- Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường.	30.000.000
	- Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.	6.000.000
Tổng chi phí		51.000.000

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG TÔN THẮT THUYẾT.

- Chúng tôi xin đảm bảo về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của Cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu.
- Đảm bảo kinh phí đầu tư cho việc thực hiện chương trình giám sát môi trường hằng năm.
- Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của Cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Đảm bảo việc quản lý chất thải rắn, phế liệu, quy định về quản lý chất thải nguy hại tuân thủ Nghị định 08-2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02-2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường.
- Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ hằng năm và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm với tần suất 01 lần/năm đến các Cơ quan quản lý môi trường (*Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh – Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4*).
- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh cơ sở sẽ báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay các nguồn ô nhiễm này.
- Cơ sở cam kết sẽ thực hiện di dời khi có thông báo thực hiện quy hoạch của cơ quan nhà nước.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

PHỤ LỤC II: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC III: MỘT SỐ SƠ ĐỒ, BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN